|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày dạy: |

**ÔN TẬP GIỮA KỲ I**

**Tiết theo KHDH: Tiết 23**

**I. Mục tiêu**:

*1. Kiến thức:* HS được ôn tập các kiến thức về:

- Khái niệm tập hợp bằng cách lấy ví dụ về tập hợp thường gặp trong toán học và trong đời sống.

- Phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa trên tập hợp số tự nhiên.

- Tính chất chia hết của một tổng, các dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9.

- Được ôn lại định nghĩa về số nguyên tố, hợp số*.*

*2. Năng lực:*

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS phát biểu được các dấu hiệu chia hết cho 2, cho 3, cho 5, cho 9. Định nghĩa về số nguyên tố, hợp số.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, … để giải quyết các bài tập về các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa.

, nhận biết được thế nào là số nguyên tố, hợp số; vận dụng các kiến thức trên để giải các bài tập liên quan, giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

*3. Về phẩm chất:*

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** (khoảng 5 phút)

- Viết nhanh tập hợp là đồ dùng học tập. Mỗi phần tử là một đồ dùng học tập các em đã chuẩn bị trong tiết học hôm nay. Chỉ ra tập hợp đó có bao nhiêu phần tử ?

**a) Mục tiêu :**

- HS được ôn lại khái niệm về tập hợp gắn với thực tế. Qua đó cũng kiểm tra việc chuẩn bị đồ dùng học tập trước khi đến lớp của các em.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu:

- Viết tập hợp trong đó mỗi phần tử là một dụng cụ học tập.

 Ví dụ: Sách, vở có là những phần tử trong tập hợp cần tìm không?

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS được viết vào vở (ví dụ về tập hợp các đồ dùng học tập)

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu từng HS viết vào vở.- Lấy ví dụ về tập hợp.**\* HS thực hiện nhiệm vụ:**- Lấy các ví dụ về tập hợp trong thực tế.- Thảo luận nhóm viết các kết quả.**\* Báo cáo, thảo luận:**- GV chọn 2 HS viết được tập hợp nhanh nhất và có nhiều phần tử nhất lên trình bày kết quả.- HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.**\* Kết luận, nhận định:** - GV cho HS nhận xét về cách viết tập hợp và số phần tử của tập hợp.- GV đặt vấn đề vào bài mới: các em đã được học về tập hợp. Tiết học ngày hôm nay các em sẽ được ôn lại toàn bộ các kiến thức trên cùng với các bài tập liên quan. |

|  |  |
| --- | --- |
| Học sinh | Tập hợp tìm được |
| 1 |  |
| 2 |  |
| 3 |  |
| … |  |
| 10 |  |

 |

**2. Hoạt động 2: Luyện tập**

**Hoạt động 2.1. Hệ thống lại phần lí thuyết.** (khoảng 10 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hệ thống cho HS phần lí thuyết tập hợp và các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa. về tính chất chia hết của một tổng, các dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9. Số nguyên tố và hợp số

**b) Nội dung:**

- Học sinh viết được tập hợp, nhớ được các dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9. Tính chất chia hết của một tổng. Khái niệm về số nguyên tố, hợp số.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**GV gọi 2 HS lên bảng viết dạng tổng quát của tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng (HS1). Tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân và tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**- HS lắng nghe và quan sát các bạn viết.**\* Báo cáo, thảo luận:**- HS cả lớp quan sát, nhận xét.**\* Kết luận, nhận định:** - GV nhận xét kết quả, HS ghi vào vở. | **I. Lý thuyết:****1. Tính chất của phép cộng, phép nhân**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tính chất** | **Phép cộng** | **Phép nhân** |
| **Giao hoán** |   |   |
| **Kết hợp** |  |   |
| **Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng** |   |

 |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**Em hãy điền vào chỗ trống để được định nghĩa lũy thừa bậc n của a.  - *Viết công thức nhân hai luỹ thừa cùng cơ số; chia hai luỹ thừa cùng cơ số?***\* HS thực hiện nhiệm vụ:**- HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.**\* Báo cáo, thảo luận:**- HS viết định nghĩa, tính chất.- HS cả lớp theo dõi, nhận xét.**\* Kết luận, nhận định:** - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS. | **2. Luỹ thừa với số mũ tự nhiên**a) Định nghĩa n thừa số aa là cơ số; n là số mũQui ước:  ; b) Tính chất |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**- HS trả lời và lên bảng ghi dạng tổng quát.***\*?:*** *Hãy phát biểu các dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5, cho 3, cho 9* **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**- HS thực hiện các nhiệm vụ trên theo hình thức lên bảng ghi dạng tổng quát và đứng tại chỗ trả lời các dấu hiệu.**\* Báo cáo, thảo luận:**- HS viết tổng quát và trả lời các dấu hiệu.- HS cả lớp theo dõi, nhận xét.**\* Kết luận, nhận định:** - GV đánh giá kết quả của HS. | **3. Tính chất chia hết của một tổng và các dấu hiệu chia hết cho 2, cho 3, cho 5, cho 9.**Tính chất 1:Tính chất 2: |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**- HS phát biểu KN số nguyên tố, hợp số. Lấy VD về số nguyên tố, hợp số.**\* HS thực hiện nhiệm vụ:**- HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân. **\* Báo cáo, thảo luận:**- GV yêu cầu HS đứng tại chỗ trình bày khái niệm và lấy VD.- HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét.**\* Kết luận, nhận định:** - GV chính xác hóa kết quả ví dụ, chuẩn hóa khái niệm số nguyên tố, hợp số. | **4. Số nguyên tố – Hợp số.**\* Số nguyên tố là số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có 2 ước là 1 và chính nó.Ví dụ: 3; 5; …\* Hợp số là số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn 2 ước.Ví dụ: 4; 8; 12; ... |

**Hoạt động 2.2: Bài tập** (khoảng 20 phút)

**2.2.1. Bài tập về tập hợp**

**a) Mục tiêu:**

**-** HS được được ôn lại khái niệm tập hợp thông qua các bài tập. Nhận biết được một đối tượng cụ thể thuộc hay không thuộc một tập hợp cho trước.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu viết được tập hợp bằng hai cách đã được học. Chỉ ra được các phần tử của tập hợp.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Viết được tập hợp.

- Chỉ ra được số phần tử trong một tập hợp.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**- HS thực hiện nhanh bài tập 1 vào vở.**\* HS thực hiện nhiệm vụ:**- HS làm bài tập yêu cầu trên theo cá nhân.**\* Báo cáo, thảo luận:**- GV yêu cầu HS lên bảng thực hiện nhanh.- GV yêu cầu vài HS nhắc lại tập hợp số tự nhiên. Lên bảng ghi lại tập hợp N.- HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét.**\* Kết luận, nhận định:** - GV chính xác hóa kết quả bài tập 1, chuẩn hóa cách ghi tập hợp N. | **II. Bài tập** **Bài 1. Viết tập hợp A là các số tự nhiên nhỏ hơn 4 bằng hai cách**Giải: - Các số 0; 1 ; 2; 3 là các phần tử của tập hợp A.- Cách viết khác của tập hợp A:  Trong đó N là tập hợp các số tự nhiên. |

**2.2.2. Bài tập về thứ tự hiện các phép tính, tìm số chưa biết.**

**a) Mục tiêu:**

- HS học được ôn lại các kiến thức đã học về các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa.

- HS biết vận dụng các kiến thức trên vào bài tập về thực hiện các phép tính, tìm số chưa biết.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu làm bài tập 2 từ đó nhắc lại thứ tự thực hiện các phép tính.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Lời giải bài tập 2.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**- HS nêu thực hiện các phép tính.- Làm bài tập theo yêu cầu.**\* HS thực hiện nhiệm vụ:**- HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.**\* Báo cáo, thảo luận:**- GV yêu cầu 4 HS lên bảng trình bày kết quả.- HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.**\* Kết luận, nhận định:** - GV chính xác hóa kết quả từng câu, chuẩn hóa quy tắc nâng lên lũy thừa, chính xác hóa thứ tự thực hiện phép tính. | **Bài 2. Thực hiện phép tính:**  |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**- HS Làm bài tập theo yêu cầu vào vở.**\* HS thực hiện nhiệm vụ:**- HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.**\* Báo cáo, thảo luận:**- GV yêu cầu HS trả lời *7.(x+1) là gì trong phép trừ trên?*- HS nêu cách tìm số trừ?**\* Kết luận, nhận định:** - GV chính xác hóa kết quả từng câu, chuẩn hóa các quy tắc khi thực hiện tìm x. | **Bài 3. Tìm số tự nhiên x biết**   |

**2.2.3: Bài tập về số nguyên tố, hợp số**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh được ôn lại định nghĩa số nguyên tố, hợp số thông qua bài tập

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu nhận biết được một số là số nguyên tố hay hợp số trong các trường hợp đơn giản.

- Vận dụng làm bài tập 4.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Lời giải bài số 4.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**- Thực hiện bài tập 4.**\* HS thực hiện nhiệm vụ:**- HS đọc đề và hoạt động nhóm. **\* Báo cáo, thảo luận:**- GV yêu cầu 4 nhóm trình bày kết quả thực hiện. - Câu a: Áp dụng dấu hiệu chia hết - Câu b: Áp dụng dấu hiệu chia hết cho 3 => a chia hết cho 3 (Theo tính chất chia hết của 1 tổng) và a lớn hơn 3 => a là hợp số- Câu c: Áp dụng tích các số lẻ là một số lẻ, tổng 2 số lẻ là một số chẵn. => b chia hết cho 2 và b lớn hơn 2 => b là hợp số- Câu d: Hiệu c = 2 => c là số nguyên tố.**\* Kết luận, nhận định:** - GV chính xác hóa kết quả từng câu, chuẩn hóa định nghĩa số nguyên tố, hợp số. |  **Bài 4. Điền ký hiệu ;  vào ô trống.** |

**3. Hoạt động vận dụng** (khoảng 8 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học để giải được một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**b) Nội dung:** - HS được yêu cầu làm cá bài tập theo nhóm hoặc à việc cá nhân

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 5:****Bài 5**: Số học sinh các khối 6; 7; 8; 9 của một trường lần lượt là 204; 270; 210; 225.**1)** Với số học sinh mỗi hàng như nhau, khối nào có thể sếp thành: 1. 2 hàng
2. 5 hàng
3. 9 hàng

**2)** Có thể sếp tất cả các học sinh của 4 khối đó thành 5 hàng với số học sinh ở mỗi hàng như nhau được không?**3)** Có thể sếp tất cả các học sinh của 4 khối đó thành 9 hàng với số học sinh ở mỗi hàng như nhau được không?**\* HS thực hiện nhiệm vụ 5:**- HS thực hiện các nhiệm vụ trên theo hình thức nhóm cặp đôi.**\* Báo cáo, thảo luận 5:**- Đại diện 1 nhóm báo cáo, các nhóm khác quan sát và đánh giá.**\* Kết luận, nhận định 5:** - GV đánh giá kết quả của các nhóm, chính xác hóa kết quả. | **Toán chia hết****Bài 5**: Số học sinh các khối 6; 7; 8; 9 của một trường lần lượt là 234; 270; 210; 225.**1)** Với số học sinh mỗi hàng như nhau: **a)** Khối có thể sếp thành 2 hàng là khối 6; 7; 8. Vì:204 có chữ số tận cùng là 4 nên 2270 có chữ số tận cùng là 0 nên 2210 có chữ số tận cùng là 0 nên 2**b)** Khối có thể sếp thành 5 hàng là khối 7; 8; 9. Vì:270 có chữ số tận cùng là 0 nên 5210 có chữ số tận cùng là 0 nên 5225 có chữ số tận cùng là 5 nên 5 **c)** Khối có thể sếp thành 9 hàng là khối 7; 9. Vì:  **2)** Không thể sếp tất cả các học sinh của 4 khối đó thành 5 hàng với số học sinh ở mỗi hàng như nhau. Vì  không chia hết cho 5 **3)** Có thể sếp tất cả các học sinh của 4 khối đó thành 9 hàng với số học sinh ở mỗi hàng như nhau. Vì   chia hết cho 9 |

**Bài tập về nhà:** (khoảng 2 phút)

**Bài 1.** Tìm x∈N biết:



**Bài 2.** Hãy điền vào dấu \* để số 

 a) Chia hết cho 9 b) Chia hết cho 5 và 3.

**Bài 3.** Hãy điền dấu X vào ô đúng hoặc sai trong các phát biểu sau

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đúng** | **Sai** |
| a) Nếu một số chia hết cho 9 thì số đó chia hết cho 3 |  |  |
| b) Nếu một tổng chia hết cho một số thì mỗi số hạng của tổng chia hết cho số đó. |  |  |

- Hướng dẫn, hỗ trợ: GV giải đáp thắc mắc của HS để hiểu rõ nhiệm vụ.

**- HS thực hiện nhiệm vụ** tại nhà.

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày dạy: |

**Chương III: HÌNH HỌC TRỰC QUAN**

**Tiết theo KHDH: Tiết 9**

**ÔN TẬP GIỮA KÌ I**

**I. Mục tiêu**:

*1. Kiến thức:* HS được ôn lại các kiến thức:

- Nhận dạng các hình: tam giác đều, hình vuông, lục giác đều, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành nhờ các đặc điểm của hình đó.

- Biết vận dụng vào thực tế để tính chu vi, diện tích một số hình.

*2. Năng lực:*

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS nêu được đặc điểm của hình để có thể nhận dạng được những hình đã được học.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, …để nhận dạng được hình, sử dụng công thức tính chu vi, diện tích, giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

*3. Về phẩm chất:*

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** (khoảng 5 phút)

- Thi tìm 4 đồ vật nhanh nhất có dạng hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn, hình tam giác đều.

**a) Mục tiêu :**

- HS nhận biết được qua những đồ vật có dạng hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn, hình tam giác đều.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu:

- Tìm 4 đồ vật có dạng hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn, hình tam giác đều.

VD: Chiếc bánh trưng, ô cửa sổ, biển báo giao thông.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS được viết vào vở (ví dụ về 4 vật có dạng hình trên)

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS hoạt động theo 4 nhóm:- Lấy ví dụ về đồ vật**\* HS thực hiện nhiệm vụ:**- Lấy các ví dụ theo yêu cầu trên.- Thảo luận nhóm viết các kết quả.**\* Báo cáo, thảo luận:**- GV chọn 2 nhóm hoàn thành nhiệm vụ nhanh nhất lên trình bày kết quả đồ vật tìm được.- HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.**\* Kết luận, nhận định:** - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án. - GV đặt vấn đề vào bài mới: Vậy ngoài 4 hình trên đã được học, các em còn được học những hình nào nữa ? Bài ngày hôm nay chúng ta sẽ được ôn lại toàn bộ các hình đó. |

|  |  |
| --- | --- |
| Nhóm | Các đồ vật tìm được |
| 1 |  |
| 2 |  |
| 3 |  |
| … |  |
| 10 |  |

 |

**2. Hoạt động 2: Luyện tập** (khoảng 15 phút)

Bảng tổng kết về các hình đặc biệt tam giác đều, hình vuông, lục giác đều, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bao gồm các nội dung:

- Nhận biết hình

- Vẽ hình (trừ lục giác đều)

- Công thức tính chu vi và diện tích của hình (nếu có)

**a) Mục tiêu :**

- HS ôn tập kiến thức đã học giữa học kỳ I phần hình học

**b) Nội dung:** Các nhóm đạt được yêu cầu:

- Lập bảng tổng kết về kiến thức đã được học của hình tam giác đều, hình vuông, lục giác đều, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành.

- Trình bày bảng một cách rõ ràng.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS được viết vào phiếu học tập của nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:** GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm 4:

- Vẽ được sơ đồ tư duy về kiến thức đã được học

- Dán hình đã cắt vào sơ đồ tư duy

- Đại diện HS trong nhóm trình bày kiến thức trong đồ tư duy (HS thực hiện trên lớp)

**\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**

- Thảo luận nhóm vẽ sơ đồ tư duy kiến thức

**\* Báo cáo, thảo luận 2:**

- GV chọn 2 nhóm hoàn thành nhiệm vụ lên trình bày kết quả.

- HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.

**\* Kết luận, nhận định 2:**

- GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án.

**Sản phẩm dự kiến 2:**  Các sơ đồ tư duy đã vẽ (có thêm phần nhận biết hình và công thức tính chu, diện tích các hình nếu có)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên hình** | **Hình vẽ** | **Nhận biết hình** | **Chu vi****(C)** | **Diện tích****(S)** |
| **1.Tam giác đều** | Chart, line chart  Description automatically generated | + 3 cạnh bằng nhau: AB = BC = AC+ 3 góc bằng nhau:   |  |  |
| **2. Hình vuông** | A screenshot of a computer  Description automatically generated with low confidence | + 4 cạnh bằng nhau: DE = EF = FG = GD+ 4 góc vuông: + 2 cạnh đối song song+ 2 đường chéo bằng nhau |  |  |
| **3. Lục giác đều** | Chart, line chart  Description automatically generated | + 6 cạnh bằng nhau + 6 góc bằng nhau |  |  |
| **4. Hình chữ nhật** | Shape, rectangle  Description automatically generated | + 4 góc vuông: + 2 cạnh đối song song và bằng nhau+ 2 đường chéo bằng nhau |  |  |
| **5. Hình thoi** |  | + 4 cạnh bằng nhau: AB = BC = CD = DA+2 cạnh đối song song+ 2 đường chéo vuông góc |  | (m,n là độ dài 2 đường chéo) |
| **6. Hình bình hành** | Chart, line chart  Description automatically generated | +2 cạnh đối song songvà bằng nhau+ Hai góc đối bằng nhau | **C = 2 (a+b)**a, b là độ dài 2 cạnh | **S = a.h**h là đường cao |

**3. Hoạt động vận dụng** (khoảng 22 phút)

**a) Mục tiêu :**

- HS nhận biết được các hình đã học, vận dụng được các công thức đã học vào làm các bài tập thực tế ở mức độ đơn giản.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu làm việc nhóm giải bài tập theo yêu cầu

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

 Lời giải các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 1:**- HS nhắc lại cách nhận biết hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành.- Vẽ hình và chỉ ra hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành.**\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**- HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.- Hướng dẫn, hỗ trợ bài 1: hình chữ nhật có 4 góc ở đỉnh A, B, C, D là góc vuông, các cạnh đối bằng nhau. Hình thoi có 4 cạnh bằng nhau. Hình bình hành có 2 cạnh đối bằng nhau.- Hoạt động nhóm 4 làm bài tập 1. **\* Báo cáo, thảo luận 1:**- GV yêu cầu 4 nhóm lên bảng viết kết quả.- Cả lớp quan sát và nhận xét.**\* Kết luận, nhận định 1:** - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của các nhóm. | **Dạng 1 : Nhận dạng hình:****Bài tập 1**Hãy quan sát và cho biết hình nào là hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành ?

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| c) | d) |

**Đáp số:**1. Hình chữ nhật.
2. Hình thoi.
3. Hình bình hành.
 |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 2:**- Nêu công thức tính chu vi, diện tích hình vuông. Công thức tính diện tích hình bình hành.- Hoạt động cá nhân vào trong vở. **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**- Hướng dẫn, hỗ trợ bài 2 trang 104: Để tính chiều cao của mảnh đất ban đầu, đi tính chiều cao của mảnh đất mở rộng.- HS thực hiện các yêu cầu trên.**\* Báo cáo, thảo luận 2:**- GV yêu cầu vài HS phát biểu công thức tính chu vi, diện tích.- HS lên bảng trình bày cách giải.- Cả lớp quan sát và nhận xét.**\* Kết luận, nhận định 2:** - GV khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành của HS.**\* GVgiao nhiệm vụ học tập 3:****Bài 4**: Phòng khách nhà Bác Nam có nền là hình chữ nhật dài 5m rộng 7m. a)Tính diện tích nền nhà.b)Bác Nam muốn lát nền nhà bằng các viên gạch hình vuông có cạnh là 50 cm. Hỏi Bác Nam cần dùng bao nhiêu viên gạch như thế. Biết diện tích các mối nối có sự hao hụt không đáng kể.**\* HS thực hiện nhiệm vụ 3**- HS thực hiện các nhiệm vụ theo nhóm cặp đôi.**\* Báo cáo, thảo luận**- Nhóm làm xong trước lên bảng trình bày.- Các nhóm chấm điểm chéo.- HS cả lớp quan sát và nhận xét.**\* Kết luận, nhận định 3**- GV chuẩn hóa lời giải và tuyên dương nhóm làm tốt. | **Dạng 2: Tính chu vi diện tích của một hình.****Bài tập 2 (Bài 2 - SGK trang 97)**a).Diện tích phần vườn trồng rau là: b) Độ dài hàng rào là: **Bài tập 3 (Bài 2 SGK trang 104)**Vì chiều cao của mảnh đất ban đầu bằng chiều cao mảnh đất mở rông, nên: Diện tích mảnh đất ban đầu là: **Bài 4**: Phòng khách nhà Bác Nam có nền là hình chữ nhật dài 5m rộng 7m.1. Diện tích nền nhà hình chữ nhật là:  (m2)
2. Đổi

Diện tích của một một viên gạch hình vuông là: Số viên gạch Bác Nam cần dùng để lát nền nhà là: (viên gạch) |

**Bài tập về nhà:** (khoảng 3 phút)

1. a) Một hình thoi có cạnh 4 cm thì chu vi của nó bằng bao nhiêu?

b) Một hình vuông có chu vi là 40 cm thì cạnh của nó bằng bao nhiêu?

c) Một hình chữ nhật có chu vi 30 cm và chiều rộng là 7 cm thì chiều dài của nó bằng

bao nhiêu?

d) Một hình chữ nhật có chu vi 36 cm và chiều dài gấp đôi chiều rộng thì mỗi cạnh của

nó bằng bao nhiêu?

2. Trên mảnh đất có dạng hình chữ nhật với chiều dài là 28 m và chiều rộng là 24 m,

người ta định xây dựng một vườn hoa hình chữ nhật và bớt ra một phần đường đi như

hình vẽ.

|  |  |
| --- | --- |
| a) Tính diện tích mảnh đất có dạnghình chữ nhật đó.b) Tính diện tích vườn hoa.c) Người ta định dùng những viêngạch chống trượt có dạng hình vuông có cạnh là 50 cm để lát đường đi. Cầndùng bao nhiêu viên gạch như thế?Biết rằng diện tích các mối nối và sựhao hụt là không đáng kể.d) Người ta làm hàng rào xung quanhvườn hoa. Tính chiều dài hàng rào đó. | 1m1m1m1mVƯỜN HOA |

- Hướng dẫn, hỗ trợ: GV giải đáp thắc mắc của HS để hiểu rõ nhiệm vụ.

**- HS thực hiện nhiệm vụ** tại nhà.